

**ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 22/2024/QĐ-UBND

Hà Nội, ngày 07 tháng 3 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức
của Sở Giáo dục và Đào tạo thành phố Hà Nội**

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức
chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

Căn cứ Luật Giáo dục ngày 14 tháng 6 năm 2019;

*Căn cứ Luật Giáo dục Đại học ngày 18 tháng 6 năm 2012; Luật sửa đổi,
bổ sung một số điều của Luật Giáo dục Đại học ngày 19 tháng 11 năm 2018;*

*Căn cứ Nghị định số 24/2014/NĐ-CP ngày 04 tháng 4 năm 2014 của
Chính phủ quy định tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân
tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương; Nghị định số 107/2020/NĐ-CP ngày 14
tháng 9 năm 2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định
số 24/2014/NĐ-CP ngày 04 tháng 4 năm 2014 của Chính phủ quy định tổ chức
các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc
trung ương;*

*Căn cứ Nghị định số 158/2018/NĐ-CP ngày 22 tháng 11 năm 2018 của
Chính phủ quy định về thành lập, tổ chức lại, giải thể tổ chức hành chính;*

*Căn cứ Nghị định số 46/2017/NĐ-CP ngày 21 tháng 4 năm 2017 của
Chính phủ quy định về điều kiện đầu tư và hoạt động trong lĩnh vực giáo dục;
Nghị định số 135/2018/NĐ-CP ngày 04 tháng 10 năm 2018 của Chính phủ sửa
đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 46/2017/NĐ-CP ngày 21 tháng 4 năm
2017 của Chính phủ quy định về điều kiện đầu tư và hoạt động trong lĩnh vực
giáo dục;*

*Căn cứ Nghị định 86/2018/NĐ-CP ngày 06 tháng 6 năm 2018 của Chính
phủ quy định về hợp tác, đầu tư của nước ngoài trong lĩnh vực giáo dục;*

Căn cứ Nghị định số 127/2018/NĐ-CP ngày 21 tháng 9 năm 2018 của Chính phủ quy định trách nhiệm quản lý nhà nước về giáo dục;

Căn cứ Nghị định số 99/2019/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2019 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học;

Căn cứ Nghị định số 84/2020/NĐ-CP ngày 17 tháng 7 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Giáo dục;

Căn cứ Nghị định số 24/2021/NĐ-CP ngày 23 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ quy định việc quản lý trong cơ sở giáo dục mầm non và cơ sở giáo dục phổ thông công lập;

Căn cứ Thông tư số 12/2020/TT-BGDĐT ngày 22 tháng 5 năm 2020 của Bộ Giáo dục và Đào tạo hướng dẫn về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Sở Giáo dục và Đào tạo thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, Phòng Giáo dục và Đào tạo thuộc Ủy ban nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh, thành phố thuộc thành phố trực thuộc Trung ương;

Thực hiện Thông báo số 1440-TB/TU ngày 24 tháng 11 năm 2023 của Ban Thường vụ Thành ủy kết luận về tiếp tục rà soát, sắp xếp kiện toàn chức năng nhiệm vụ, cơ cấu tổ chức bộ máy và biên chế, phương án phân cấp, ủy quyền và quy trình giải quyết các thủ tục hành chính của các sở, ngành, đơn vị thuộc thành phố Hà Nội;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo tại Tờ trình số 379/TTr-SGDĐT ngày 06 tháng 02 năm 2024 và đề nghị của Giám đốc Sở Nội vụ tại Tờ trình số 520/TTr-SNV ngày 22 tháng 02 năm 2024 về việc quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Giáo dục và Đào tạo thành phố Hà Nội.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Vị trí và chức năng

1. Sở Giáo dục và Đào tạo là cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân Thành phố, thực hiện chức năng tham mưu, giúp Ủy ban nhân dân Thành phố quản lý nhà nước về giáo dục và đào tạo ở địa phương theo quy định của pháp luật và thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn theo phân cấp, ủy quyền của Ủy ban nhân dân Thành phố, Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố.

2. Sở Giáo dục và Đào tạo Hà Nội có tư cách pháp nhân, có con dấu và tài khoản riêng theo quy định của pháp luật; chịu sự chỉ đạo, quản lý về tổ chức, vị trí việc làm, biên chế và công tác của Ủy ban nhân dân Thành phố, đồng thời chịu sự chỉ đạo, hướng dẫn, kiểm tra về chuyên môn, nghiệp vụ và các quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Điều 2. Nhiệm vụ và quyền hạn

1. Tham mưu Ủy ban nhân dân Thành phố trình Hội đồng nhân dân Thành phố:

a) Quyết định, kế hoạch, chương trình, dự án, chính sách phát triển giáo dục, phân luồng, hướng nghiệp học sinh tại địa phương phù hợp với chiến lược phát triển ngành giáo dục và kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của địa phương;

b) Quyết định mức thu học phí hàng năm đối với các cơ sở giáo dục công lập thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Thành phố theo quy định của pháp luật;

2. Trình Ủy ban nhân dân Thành phố quyết định:

a) Chính sách, chương trình, dự án, đề án phát triển giáo dục trên địa bàn theo quy định; biện pháp tổ chức thực hiện các nhiệm vụ cải cách hành chính nhà nước trong lĩnh vực giáo dục;

b) Phân cấp, ủy quyền cho Ủy ban nhân dân quận, huyện, thị xã, Sở Giáo dục và Đào tạo thực hiện một số nhiệm vụ, quyền hạn thuộc thẩm quyền quản lý nhà nước về giáo dục của Ủy ban nhân dân Thành phố;

c) Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Giáo dục và Đào tạo theo quy định của Chính phủ và hướng dẫn của Bộ Giáo dục và Đào tạo;

d) Ban hành văn bản hướng dẫn, tổ chức thực hiện các văn bản pháp luật về giáo dục; phương án tích hợp nội dung về mạng lưới các cơ sở giáo dục và đào tạo vào quy hoạch Thành phố theo Luật Quy hoạch và các quy định có liên quan; kế hoạch phát triển giáo dục; kế hoạch, chương trình, dự án phát triển giáo dục trung học phổ thông; kế hoạch triển khai Đề án đổi mới chương trình, sách giáo khoa giáo dục phổ thông được phân công trên phạm vi địa bàn Thành phố; các văn bản pháp luật về giáo dục theo thẩm quyền;

đ) Văn bản chấp thuận về việc thành lập, cho phép thành lập; sáp nhập, chia, tách, giải thể cơ sở giáo dục đại học, phân hiệu của cơ sở giáo dục đại học; trường cao đẳng sư phạm, phân hiệu của trường cao đẳng sư phạm trên địa bàn.

3. Trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố quyết định:

a) Thành lập hoặc cho phép thành lập, thu hồi quyết định thành lập hoặc quyết định cho phép thành lập, sáp nhập, chia, tách, giải thể, đổi tên, chuyển đổi loại hình trường đối với cơ sở giáo dục công lập, tư thục, bao gồm: trường trung học phổ thông, trường phổ thông có nhiều cấp học cao nhất là trung học phổ thông, Trường Bồi dưỡng cán bộ giáo dục Hà Nội, trường phổ thông dân tộc nội trú có cấp trung học phổ thông, trung tâm giáo dục thường xuyên cấp tỉnh và các cơ sở giáo dục khác thuộc phạm vi quản lý nhà nước theo quy định. Quyết định cho phép thành lập, quyết định giải thể hoặc chấm dứt hoạt động đối với cơ sở giáo dục mầm non, cơ sở giáo dục phổ thông có vốn đầu tư nước ngoài (trừ cơ sở giáo dục mầm non, cơ sở giáo dục phổ thông do cơ quan đại diện ngoại giao nước ngoài, tổ chức liên chính phủ đề nghị thành lập) theo quy định của pháp luật;

b) Ban hành quyết định, chỉ thị và các văn bản khác về lĩnh vực giáo dục thuộc thẩm quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố theo phân công;

c) Khen thưởng hoặc trình cấp có thẩm quyền khen thưởng các tổ chức, cá nhân có nhiều thành tích trong hoạt động giáo dục tại địa phương.

4. Quản lý hoạt động của các đơn vị sự nghiệp trong và ngoài công lập thuộc phạm vi quản lý ngành, lĩnh vực; hướng dẫn thực hiện cơ chế tự chủ đối với các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc ngành, lĩnh vực quản lý theo quy định của pháp luật.

5. Chủ trì, phối hợp với các cơ quan có liên quan thực hiện chức năng quản lý nhà nước về giáo dục của Ủy ban nhân dân Thành phố đối với các cơ sở giáo dục đại học; trường cao đẳng sư phạm, trung tâm giáo dục thường xuyên cấp tỉnh theo phân cấp của Chính phủ và theo các lĩnh vực, nhiệm vụ do Bộ Giáo dục và Đào tạo giao.

6. Tham gia thẩm định thực tế đề án thành lập, cho phép thành lập cơ sở giáo dục đại học, phân hiệu của cơ sở giáo dục đại học trên địa bàn.

7. Hướng dẫn chuyên môn, nghiệp vụ đối với Phòng Giáo dục và Đào tạo và người có chức danh theo dõi giáo dục thuộc Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn.

8. Quản lý các hoạt động dạy học và giáo dục trong nhà trường và ngoài nhà trường; chỉ đạo thực hiện hoạt động giáo dục đạo đức, lối sống, an toàn trường học; tổ chức thực hiện kế hoạch triển khai Đề án đổi mới chương trình,

sách giáo khoa giáo dục phổ thông; thực hiện và chỉ đạo thực hiện công tác truyền thông giáo dục trên địa bàn.

9. Hướng dẫn, tuyên truyền, phổ biến và tổ chức thực hiện các văn bản quy phạm pháp luật về giáo dục; kế hoạch, chương trình, dự án, đề án và các nội dung khác về giáo dục sau khi đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

10. Hướng dẫn, tổ chức thực hiện công tác chuyên môn, nghiệp vụ; công tác phổ cập giáo dục, xóa mù chữ, xây dựng trường chuẩn quốc gia và xây dựng xã hội học tập trên địa bàn; công tác tuyển sinh, thi, cấp, thu hồi văn bằng, chứng chỉ, kiểm định chất lượng giáo dục đối với các phòng Giáo dục và Đào tạo, các cơ sở giáo dục thuộc phạm vi quản lý.

11. Quản lý về chuyên môn đối với việc thực hiện chương trình giáo dục thường xuyên của các trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên theo quy định.

12. Quyết định cho phép hoạt động giáo dục, đình chỉ hoạt động giáo dục đối với trường trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học có cấp học cao nhất là trung học phổ thông, trường phổ thông dân tộc nội trú có cấp trung học phổ thông, trường phổ thông chuyên biệt, trường mầm non thuộc Sở Giáo dục và Đào tạo, các trung tâm ngoại ngữ, tin học trên địa bàn (trừ các trung tâm ngoại ngữ, tin học thuộc đại học, trường đại học, trường cao đẳng hoạt động trong khuôn viên của trường), cơ sở giáo dục có vốn đầu tư nước ngoài (trừ cơ sở giáo dục đại học và phân hiệu của cơ sở giáo dục đại học có vốn đầu tư nước ngoài tại Việt Nam).

13. Cấp, thu hồi giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, quyết định đình chỉ hoạt động đối với các tổ chức kinh doanh dịch vụ tư vấn du học trên địa bàn theo quy định của pháp luật.

14. Xây dựng dự toán ngân sách giáo dục, quyết định phân bổ, giao dự toán ngân sách đối với các cơ sở giáo dục trực thuộc sau khi được cấp có thẩm quyền phê duyệt; duyệt quyết toán, thông báo quyết toán năm và tổng hợp báo cáo quyết toán ngân sách của các cơ sở giáo dục trực thuộc; phối hợp với Sở Tài chính, Sở Kế hoạch và Đầu tư xác định, cân đối ngân sách nhà nước chi cho giáo dục hằng năm của địa phương trình cấp có thẩm quyền; hướng dẫn, thanh tra, kiểm tra việc cấp, sử dụng ngân sách nhà nước và các nguồn tài chính hợp pháp khác cho giáo dục trên địa bàn Thành phố.

15. Hướng dẫn, tổ chức thực hiện huy động các nguồn lực để phát triển giáo dục, bảo đảm quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm của các cơ sở giáo dục trực thuộc; quản lý tài chính, tài sản, cơ sở vật chất được giao theo quy định của pháp luật. Chịu trách nhiệm giải trình về hoạt động giáo dục, chất lượng giáo dục, quản lý nhà giáo và người học, thực hiện chính sách phát triển giáo dục thuộc phạm vi quản lý trước Hội đồng nhân dân Thành phố, Ủy ban nhân dân Thành phố, Bộ Giáo dục và Đào tạo và xã hội.

16. Quy định cụ thể chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn các đơn vị thuộc cơ cấu tổ chức của Sở theo quy định.

17. Phân bổ số lượng người làm việc theo vị trí việc làm cho các cơ sở giáo dục trực thuộc theo quy định; chủ trì, phối hợp với các đơn vị có liên quan hướng dẫn, tổ chức thực hiện việc tuyển dụng, sử dụng, đánh giá, đào tạo, bồi dưỡng, thực hiện chính sách đối với công chức, viên chức và người lao động thuộc phạm vi quản lý theo phân cấp, ủy quyền của Ủy ban nhân dân Thành phố và theo quy định của pháp luật.

18. Thực hiện cải cách hành chính, công tác thực hành tiết kiệm, phòng chống tham nhũng, lãng phí; thực hiện thanh tra, kiểm tra, giải quyết khiếu nại, giải quyết tố cáo, xử lý vi phạm theo quy định của pháp luật.

19. Quản lý tài chính, tài sản, cơ sở vật chất được giao theo quy định của pháp luật và của Ủy ban nhân dân Thành phố.

20. Thường xuyên cập nhật thông tin về đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục thuộc phạm vi quản lý vào cơ sở dữ liệu ngành giáo dục. Thực hiện đầy đủ và kịp thời chế độ báo cáo định kỳ hằng năm và đột xuất về thống kê, công khai lĩnh vực giáo dục của địa phương thuộc phạm vi quản lý với Ủy ban nhân dân Thành phố và Bộ Giáo dục và Đào tạo theo quy định.

21. Thực hiện nhiệm vụ khác do Ủy ban nhân dân Thành phố, Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố giao và theo quy định của pháp luật.

Điều 3. Cơ cấu tổ chức

1. Các phòng và tương đương thuộc Sở (11 phòng)

a) Văn phòng;

b) Thanh tra;

c) Phòng Tổ chức cán bộ;

d) Phòng Kế hoạch - Tài chính;

- đ) Phòng Quản lý thi và Kiểm định chất lượng giáo dục;
- e) Phòng Chính trị, tư tưởng và Công tác học sinh, sinh viên;
- g) Phòng Giáo dục mầm non;
- h) Phòng Giáo dục tiểu học;
- i) Phòng Giáo dục trung học;
- k) Phòng Giáo dục thường xuyên - Đại học;
- l) Phòng Giáo dục tư thực và có yếu tố nước ngoài.

2. Các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Sở

- a) Khối các trường trung học phổ thông, trường phổ thông có nhiều cấp học có cấp học cao nhất là trung học phổ thông (chi tiết theo biểu kèm theo);
- b) Các trường chuyên biệt: Trường Trung học phổ thông chuyên Hà Nội - Amsterdam, Trường Trung học phổ thông chuyên Nguyễn Huệ, Trường Phổ thông dân tộc nội trú, Trường Phổ thông cơ sở Nguyễn Đình Chiểu, Trường Phổ thông cơ sở Xã Đàn, Trường Tiểu học Bình Minh;
- c) Các trường mầm non trực thuộc: Trường Mầm non Việt Triều Hữu nghị, Trường Mầm non B;
- d) Trường Bồi dưỡng cán bộ giáo dục Hà Nội.

Điều 4. Giám đốc, Phó Giám đốc và số lượng cấp phó các tổ chức, đơn vị thuộc Sở

1. Giám đốc và Phó Giám đốc Sở

- a) Sở Giáo dục và Đào tạo có Giám đốc và không quá 04 Phó Giám đốc.
- b) Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo chịu trách nhiệm trước Ủy ban nhân dân Thành phố, Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố và trước pháp luật về thực hiện chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Sở Giáo dục và Đào tạo Hà Nội. Trách nhiệm cụ thể của Giám đốc Sở như sau:
 - b.1. Căn cứ các quy định hiện hành của pháp luật và phân công của Ủy ban nhân dân Thành phố, ban hành quy chế làm việc của Sở Giáo dục và Đào tạo và chỉ đạo, kiểm tra việc thực hiện;
 - b.2. Chịu trách nhiệm trước Ủy ban nhân dân Thành phố, Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố và trước pháp luật về thực hiện chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Sở Giáo dục và Đào tạo và các công việc được Ủy ban nhân dân Thành phố, Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố phân công hoặc ủy quyền. Đối

với những vấn đề vượt quá thẩm quyền hoặc đúng thẩm quyền nhưng không đủ khả năng và điều kiện giải quyết thì Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo chủ động làm việc với Giám đốc sở có liên quan để hoàn chỉnh hồ sơ trình Ủy ban nhân dân Thành phố, Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố xem xét, quyết định;

b.3. Có trách nhiệm báo cáo với Ủy ban nhân dân Thành phố, Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố; Bộ Giáo dục và Đào tạo về tổ chức, hoạt động giáo dục của Sở Giáo dục và Đào tạo; báo cáo công tác, cung cấp tài liệu trước Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân Thành phố khi có yêu cầu; trả lời kiến nghị của cử tri, chất vấn của đại biểu Hội đồng nhân dân Thành phố về những vấn đề liên quan đến giáo dục và đào tạo trên địa bàn; phối hợp với người đứng đầu các sở, ngành, tổ chức chính trị - xã hội và các cơ quan có liên quan trong việc thực hiện nhiệm vụ của Sở Giáo dục và Đào tạo;

b.4. Quyết định công nhận hội đồng trường, công nhận, bổ nhiệm, miễn nhiệm chủ tịch hội đồng trường, bổ sung, kiện toàn hội đồng trường đối với trường trung học phổ thông, trường phổ thông có nhiều cấp học có cấp học cao nhất là trung học phổ thông, trường phổ thông dân tộc nội trú có cấp trung học phổ thông, trường phổ thông chuyên biệt và trường mầm non thuộc Sở Giáo dục và Đào tạo, Trường Bồi dưỡng cán bộ giáo dục Hà Nội; quyết định bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, miễn nhiệm, điều động, thay đổi vị trí việc làm, khen thưởng, kỷ luật đối với người đứng đầu, cấp phó người đứng đầu các đơn vị thuộc Sở Giáo dục và Đào tạo và các đơn vị sự nghiệp trực thuộc Sở Giáo dục và Đào tạo theo tiêu chuẩn chức danh và thủ tục do pháp luật quy định (trừ các chức danh thuộc thẩm quyền quyết định của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố); công nhận hội đồng trường, công nhận, miễn nhiệm, bãi nhiệm chủ tịch hội đồng trường, các thành viên của hội đồng trường, hiệu trưởng, phó hiệu trưởng các trường trung học phổ thông tư thục, trường phổ thông tư thục có nhiều cấp học có cấp học cao nhất là trung học phổ thông trên địa bàn Thành phố.

c) Phó Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo là người giúp Giám đốc Sở phụ trách một hoặc một số mặt công tác, chịu trách nhiệm trước Giám đốc Sở và trước pháp luật về nhiệm vụ được phân công. Khi Giám đốc Sở vắng mặt, một Phó Giám đốc Sở được Giám đốc Sở ủy nhiệm điều hành các hoạt động của Sở;

d) Việc bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, miễn nhiệm, điều động, luân chuyển, khen thưởng, kỷ luật, cho từ chức, nghỉ hưu và thực hiện chế độ chính sách khác

đối với Giám đốc, Phó Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo do Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố quyết định theo quy định của pháp luật.

2. Số lượng cấp phó phòng, ban, đơn vị thuộc Sở

a) Số lượng Phó Trưởng phòng và tương đương thuộc Sở thực hiện theo quy định tại Nghị định số 107/2020/NĐ-CP ngày 14 tháng 9 năm 2020 của Chính phủ sửa đổi Nghị định số 24/2014/NĐ-CP ngày 04 tháng 4 năm 2014 quy định về tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;

b) Số lượng cấp phó của người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Sở, cấp phó của người đứng đầu phòng thuộc đơn vị sự nghiệp công lập thực hiện theo quy định tại Nghị định số 120/2020/NĐ-CP ngày 07 tháng 10 năm 2020 của Chính phủ quy định về thành lập, tổ chức lại, giải thể đơn vị sự nghiệp công lập.

Điều 5. Biên chế công chức, số lượng người làm việc

1. Biên chế công chức, số lượng người làm việc trong các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Sở Giáo dục và Đào tạo được giao trên cơ sở vị trí việc làm gắn với chức năng, nhiệm vụ, phạm vi hoạt động và nằm trong tổng biên chế công chức, tổng số lượng người làm việc của các cơ quan, tổ chức hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập của Thành phố được cấp có thẩm quyền giao hoặc phê duyệt.

2. Căn cứ chức năng, nhiệm vụ, cơ cấu tổ chức và danh mục vị trí việc làm, cơ cấu chức danh công chức, viên chức được cấp có thẩm quyền phê duyệt, hằng năm, Sở Giáo dục và Đào tạo phối hợp với Sở Nội vụ xây dựng kế hoạch biên chế công chức, số lượng người làm việc theo quy định của pháp luật bảo đảm thực hiện nhiệm vụ được giao trình Ủy ban nhân dân Thành phố.

Điều 6. Điều khoản chuyển tiếp

1. Về việc tiếp nhận Trường Phổ thông dân lập Hermann Gmeiner thuộc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội

Sở Giáo dục và Đào tạo chủ trì, phối hợp với Sở Lao động - Thương binh và Xã hội, Sở Tài chính và các cơ quan, đơn vị có liên quan xây dựng đề án, trình Ủy ban nhân dân Thành phố các quyết định sắp xếp tổ chức bộ máy theo quy định.

2. Đối với những trường hợp đã được bổ nhiệm giữ chức vụ người đứng đầu, cấp phó của người đứng đầu các cơ quan, đơn vị thuộc, trực thuộc Sở, sau khi sắp xếp mà thôi giữ chức vụ lãnh đạo hoặc được bổ nhiệm vào chức vụ mới có phụ cấp chức vụ lãnh đạo thấp hơn so với phụ cấp chức vụ lãnh đạo cũ thì được áp dụng, vận dụng hưởng bảo lưu phụ cấp chức vụ lãnh đạo theo quy định tại Quyết định số 140/2009/QĐ-TTg ngày 31/12/2009 của Thủ tướng Chính phủ về bảo lưu phụ cấp chức vụ lãnh đạo đối với các chức danh lãnh đạo trong quá trình sắp xếp, kiện toàn tổ chức bộ máy.

Điều 7. Điều khoản thi hành

1. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 17 tháng 3 năm 2024 và thay thế Quyết định số 02/2022/QĐ-UBND ngày 11 tháng 01 năm 2022 của Ủy ban nhân dân Thành phố về việc quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Giáo dục và Đào tạo thành phố Hà Nội.

2. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố; Giám đốc Sở Nội vụ, Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo, Thủ trưởng các Sở, ban, ngành; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các quận, huyện, thị xã và các cơ quan, đơn vị, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Lê Hồng Sơn

**DANH SÁCH CÁC TRƯỜNG THPT CÔNG LẬP THUỘC
SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO**

*(Kèm theo Quyết định số 22/2024/QĐ-UBND ngày 07 tháng 3 năm 2024
của Ủy ban nhân dân Thành phố)*

STT	Tên đơn vị	Ghi chú
1	Trường Trung học phổ thông Ba Vì	
2	Trường Trung học phổ thông Bắc Lương Sơn	
3	Trường Trung học phổ thông Bắc Thăng Long	
4	Trường Trung học phổ thông Bát Bạt	
5	Trường Trung học phổ thông Cao Bá Quát - Gia Lâm	
6	Trường Trung học phổ thông Cao Bá Quát - Quốc Oai	
7	Trường Trung học phổ thông Cầu Giấy	
8	Trường Trung học phổ thông Chu Văn An	
9	Trường Trung học phổ thông Chúc Động	
10	Trường Trung học phổ thông Chương Mỹ A	
11	Trường Trung học phổ thông Chương Mỹ B	
12	Trường Trung học phổ thông Cổ Loa	
13	Trường Trung học phổ thông Đa Phúc	
14	Trường Trung học phổ thông Đại Cường	
15	Trường Trung học phổ thông Đại Mỗ	
16	Trường Trung học phổ thông Đan Phượng	
17	Trường Trung học phổ thông Đoàn Kết - Hai Bà Trưng	
18	Trường Trung học phổ thông Đông Anh	
19	Trường Trung học phổ thông Đông Đa	

STT	Tên đơn vị	Ghi chú
20	Trường Trung học phổ thông Đông Mỹ	
21	Trường Trung học phổ thông Đồng Quan	
22	Trường Trung học phổ thông Dương Xá	
23	Trường Trung học phổ thông Hai Bà Trưng - Thạch Thất	
24	Trường Trung học phổ thông Hoài Đức A	
25	Trường Trung học phổ thông Hoài Đức B	
26	Trường Trung học phổ thông Hoài Đức C	
27	Trường Trung học phổ thông Hoàng Cầu	
28	Trường Trung học phổ thông Hoàng Văn Thụ	
29	Trường Trung học phổ thông Hồng Thái	
30	Trường Trung học phổ thông Hợp Thanh	
31	Trường Trung học phổ thông Khương Đình	
32	Trường Tiểu học, Trung học cơ sở và Trung học phổ thông Khương Hạ	
33	Trường Trung học phổ thông Kim Anh	
34	Trường Trung học phổ thông Kim Liên	
35	Trường Trung học phổ thông Lê Lợi	
36	Trường Trung học phổ thông Lê Quý Đôn - Đống Đa	
37	Trường Trung học phổ thông Lê Quý Đôn - Hà Đông	
38	Trường Trung học phổ thông Liên Hà	
39	Trường Trung học phổ thông Lưu Hoàng	
40	Trường Trung học phổ thông Lý Thường Kiệt	
41	Trường Trung học phổ thông Lý Tử Tấn	

STT	Tên đơn vị	Ghi chú
42	Trường Trung học phổ thông Mê Linh	
43	Trường Trung học phổ thông Minh Hà	
44	Trường Trung học phổ thông Minh Khai	
45	Trường Trung học phổ thông Minh Phú	
46	Trường Trung học phổ thông Minh Quang	
47	Trường Trung học phổ thông Mỹ Đình	
48	Trường Trung học phổ thông Mỹ Đức A	
49	Trường Trung học phổ thông Mỹ Đức B	
50	Trường Trung học phổ thông Mỹ Đức C	
51	Trường Trung học phổ thông Ngô Quyền - Ba Vì	
52	Trường Trung học phổ thông Ngô Thị Nhậm	
53	Trường Trung học phổ thông Ngọc Hồi	
54	Trường Trung học phổ thông Ngọc Tảo	
55	Trường Trung học phổ thông Nguyễn Du - Thanh Oai	
56	Trường Trung học phổ thông Nguyễn Gia Thiều	
57	Trường Trung học phổ thông Nguyễn Quốc Trinh	
58	Trường Trung học phổ thông Nguyễn Thị Minh Khai	
59	Trường Trung học phổ thông Nguyễn Trãi - Ba Đình	
60	Trường Trung học phổ thông Nguyễn Trãi - Thường Tín	
61	Trường Trung học phổ thông Nguyễn Văn Cừ	
62	Trường Trung học phổ thông Nguyễn Văn Trỗi	
63	Trường Trung học phổ thông Nhân Chính	
64	Trường Trung học phổ thông Phạm Hồng Thái	

STT	Tên đơn vị	Ghi chú
65	Trường Trung học phổ thông Phan Đình Phùng	
66	Trường Trung học phổ thông Phan Huy Chú - Đống Đa	
67	Trường Trung học phổ thông Phan Huy Chú - Quốc Oai	
68	Trường Trung học phổ thông Phú Xuyên A	
69	Trường Trung học phổ thông Phú Xuyên B	
70	Trường Trung học phổ thông Phúc Lợi	
71	Trường Trung học phổ thông Phúc Thọ	
72	Trường Trung học phổ thông Phùng Khắc Khoan - Thạch Thất	
73	Trường Trung học phổ thông Quang Minh	
74	Trường Trung học phổ thông Quảng Oai	
75	Trường Trung học phổ thông Quang Trung - Đống Đa	
76	Trường Trung học phổ thông Quang Trung - Hà Đông	
77	Trường Trung học phổ thông Quốc Oai	
78	Trường Trung học phổ thông Sóc Sơn	
79	Trường Trung học phổ thông Sơn Tây	
80	Trường Trung học phổ thông Tân Dân	
81	Trường Trung học phổ thông Tân Lập	
82	Trường Trung học phổ thông Tây Hồ	
83	Trường Trung học phổ thông Thạch Bàn	
84	Trường Trung học phổ thông Thạch Thất	
85	Trường Trung học phổ thông Thăng Long	
86	Trường Trung học phổ thông Thanh Oai A	
87	Trường Trung học phổ thông Thanh Oai B	

STT	Tên đơn vị	Ghi chú
88	Trường Trung học phổ thông Thọ Xuân	
89	Trường Trung học phổ thông Thượng Cát	
90	Trường Trung học phổ thông Thường Tín	
91	Trường Trung học phổ thông Tiền Phong	
92	Trường Trung học phổ thông Tiến Thịnh	
93	Trường Trung học phổ thông Tô Hiệu - Thường Tín	
94	Trường Trung học phổ thông Trần Đăng Ninh	
95	Trường Trung học phổ thông Trần Hưng Đạo - Hà Đông	
96	Trường Trung học phổ thông Trần Hưng Đạo - Thanh Xuân	
97	Trường Trung học phổ thông Trần Nhân Tông	
98	Trường Trung học phổ thông Trần Phú - Hoàn Kiếm	
99	Trường Trung học phổ thông Trung Giã	
100	Trường Trung học phổ thông Trung Văn	
101	Trường Trung học phổ thông Trương Định	
102	Trường Trung học phổ thông Tùng Thiện	
103	Trường Trung học phổ thông Tự Lập	
104	Trường Trung học phổ thông Ứng Hoà A	
105	Trường Trung học phổ thông Ứng Hoà B	
106	Trường Trung học phổ thông Vạn Xuân - Hoài Đức	
107	Trường Trung học phổ thông Vân Cốc	
108	Trường Trung học phổ thông Vân Nội	
109	Trường Trung học phổ thông Vân Tảo	
110	Trường Trung học phổ thông Việt Đức	

STT	Tên đơn vị	Ghi chú
111	Trường Trung học phổ thông Việt Nam - Ba Lan	
112	Trường Trung học phổ thông Xuân Đỉnh	
113	Trường Trung học phổ thông Xuân Giang	
114	Trường Trung học phổ thông Xuân Khanh	
115	Trường Trung học phổ thông Xuân Mai	
116	Trường Trung học phổ thông Xuân Phương	
117	Trường Trung học phổ thông Yên Hòa	
118	Trường Trung học phổ thông Yên Lãng	
119	Trường Trung học phổ thông Yên Viên	